

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ - ST  
Ngày: 13-11-2019  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Nguyễn Ngọc Vân

Ông Lương Thanh Văn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – HNGĐ ngày 25/10/2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị L- Sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T- Sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào ngày 07/10/2003. Sau khi tổ chức lễ cưới xong thì chị về làm dâu gia đình nhà anh T ngay và vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh T, không có thời gian nào ra ở riêng. Đến năm 2006 thì vợ chồng chị mua đất ra ở riêng cũng tại Thôn 3, xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi bời, không chịu làm ăn cũng như không quan tâm đến vợ con. Anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đã nhiều lần chị bỏ qua cho anh T nhưng anh vẫn không thay đổi. Anh T đã trở về sống cùng bố mẹ anh T từ

tháng 11/2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Asinh ngày 18/11/2004, cháu Nguyễn Mạnh Tsinh ngày 22/8/2006 và cháu Nguyễn Minh Ksinh ngày 08/3/2018. Hiện cả 3 cháu đều đang ở với chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung, chị xác định chị có điều kiện nuôi con tốt hơn anh T, thu nhập bình quân hàng tháng của chị là 10.000.000 đồng/ 01 tháng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Tại đơn khởi kiện ban đầu chị có trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng có một số tài sản chung và chị yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trong quá trình làm việc tại Tòa án sau đó, chị đã xin rút yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ và biết được thông báo của Tòa án nhưng cố tình không khai báo, không lên Tòa án làm việc.

Bà Dương Thị T – mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T cho biết: Năm 2003 anh T và chị L kết hôn. Kết hôn xong chị L về làm dâu gia đình nhà bà ngay. Đến năm 2006 vợ chồng mua đất ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng gần 02 năm trở lại đây thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ tình cảm với người khác, chị L sinh ghen nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau. Vợ chồng cũng không hợp nhau trong việc làm ăn kinh tế. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hiện tại anh T đã không còn quan hệ tình cảm với ai khác nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn còn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Hiện anh T đang đi làm ăn xa, thi thoảng có về chung sống cùng với gia đình bà, và liên lạc thường xuyên với gia đình bà. Việc chị L làm đơn xin ly hôn với anh T, và Tòa án đã thụ lý vụ án thì anh T có biết nhưng vì lý do công việc nên anh T chưa đến Tòa án làm việc được. Anh T có nói lại với gia đình là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng anh T chị L có 03 con chung, hiện cả 03 cháu đang ở cùng với chị L. Nay chị L xin ly hôn với anh T, quan điểm của gia đình là không muốn vợ chồng anh chị ly hôn.

Đại diện chính quyền thôn 3 xã V cung cấp: Chị L, anh T đều là công dân thôn 3, xã V. Năm 2003, chị L kết hôn với anh T, sau khi kết hôn thì chị L chuyển về gia đình anh T chung sống. Sau khi vợ chồng mua đất làm nhà thì anh chị ra ở riêng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng vài năm trở lại đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế, mâu thuẫn trong cuộc sống thường ngày. Hiện tại vợ chồng đã ly thân với nhau. Anh T đã về nhà chung sống cùng bố mẹ đẻ, tuy nhiên anh T rất ít khi có mặt ở nhà, anh đi đâu làm gì thì chính quyền địa phương không nắm được. Khả năng vợ chồng về đoàn tụ với nhau là khó. Chị L và anh T có 03 con chung, hiện cả 03 cháu

đang ở cùng với chị L. Hiện chị L đang kinh doanh bán thuốc thú y, bán quần áo, nước giặt và mở xưởng may tại nhà. Nay chị L xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, chị Đỗ Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T và đề nghị được nuôi cả 3 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/11/2004, cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/8/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/3/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Chị hiện nay đang bán thuốc thú y, bán thêm quần áo, nước giặt và mở xưởng may tại nhà, thu nhập bình quân của chị khoảng 10.000.000 đồng /tháng. Anh T không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên không có mặt ở nhà. Chị xác định chị có đủ thời gian và điều kiện để chăm sóc cả 03 con chung tốt hơn so với anh T.

Anh Nguyễn Văn T không thường xuyên có mặt tại địa phương, đã được niêm yết triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà Dương Thị T là mẹ đẻ của anh T có trong hồ sơ. Chị Đỗ Thị L không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao chị Đỗ Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/11/2004, cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/8/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/3/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Việc chị Đỗ Thị Lkhởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Tthuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Nguyễn Văn Tvắng mặt. Mặc dù Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn Tvẫn không đến Toà án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do. Ngoài ra cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Tlà có căn cứ.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị Lvà anh Nguyễn Văn Tđăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2003 tại UBND xã V, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị Đỗ Thị Lcũng đã cung cấp được trích lục đăng ký kết hôn bản sao. Như vậy hôn nhân của chị Đỗ Thị Lvà anh Nguyễn Văn Tlà hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Đỗ Thị Lvà bà Dương Thị T (mẹ đẻ anh T) đều xác định vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay chị Đỗ Thị Lxin ly hôn, anh Nguyễn Văn Tđã được mẹ đẻ là bà Dương Thị T nhận thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, phiên hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án và thông báo lại cho anh T nhưng anh T không lên Tòa làm việc, điều đó chứng tỏ anh Nguyễn Văn Tkhông mong muốn hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do đó có thể thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đỗ Thị Lkhởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Tlà có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Lvà anh Nguyễn Văn Tcó 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/11/2004, cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/8/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/3/2018. Hiện nay, cả 03 cháu đều đang ở cùng với chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, anh T hiện không có mặt thường xuyên tại nhà. Hội đồng xét xử xét thấy: Tính đến thời điểm xét xử, cháu K chưa đủ 03 tuổi, cháu còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Cháu Phương A và cháu T đều có nguyện vọng được ở cùng chị L và 03 chị em được ở cùng với nhau. Anh T thường xuyên đi làm xa, không có mặt tại gia đình. Chị L có nhà cửa, công việc và thu nhập ổn định và vẫn chăm sóc chu đáo cho các con chung từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Do vậy cần giao cả 03 con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất: Trong đơn khởi kiện ly hôn chị L có trình bày về một số tài sản chung của vợ chồng nhưng trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất giữa chị L và anh T trong vụ án này. Nếu sau này chị L, anh T có yêu cầu chia tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất thì sẽ được xem xét và giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Lphải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

- Các Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị Lđược ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Giao chị Đỗ Thị Lđược trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 18/11/2004, cháu Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 22/8/2006 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 08/3/2018. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Đỗ Thị Lphải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền dự phí đã nộp 9.800.000 đồng theo biên lai AA/2012/05526 ngày 23/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Hoàn trả lại cho chị L số tiền 9.500.000 đồng.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã V.
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lương Thị Thanh Quyên**

